

Ngày soạn : 25 / 04 / 2021

Ngày dạy : 12 / 05 / 2021

Tiết 166,167 TLV

TỔNG KẾT TẬP LÀM VĂN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. **Kiến thức:** - Đặc trưng của từng kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đã học.

- Sự khác nhau giữa kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đã học.

2. **Kĩ năng:** - Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các kiểu văn bản đã học.

- Đọc - hiểu các kiểu văn bản theo đặc trưng của kiểu văn bản ấy

- Nâng cao năng lực đọc và viết các kiểu văn bản thông dụng

- Kết hợp hài hoà hợp lí các kiểu văn bản trong thực tế làm bài.

- Rèn kỹ năng nói và kỹ năng trình bày trước tập thể.

- Năng lực thu thập và xử lý những tình huống đặt ra trong bài học.

3. **Về tư duy, thái độ:** Cần thận, nghiêm túc khi làm việc.

II. BẢNG MÔ TẢ CÁC MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ THEO ĐỊNH HƯỚNG NĂNG LỰC :

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng cấp độ thấp	Vận dụng cấp độ cao
I. Các kiểu văn bản đã học trong chương trình Ngữ Văn THCS	- Trình bày được khái niệm	- Hiểu được và phân biệt các khái niệm	- Xác định, khám phá, dự đoán, thiết lập liên hệ, giải quyết	Bình luận, nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử, liên hệ với thực tiễn
II. Phần TLV trong chương trình ngữ văn THCS	- Trình bày được khái niệm	- Hiểu được và phân biệt các khái niệm	- Xác định, khám phá, dự đoán, thiết lập liên hệ, giải quyết	Bình luận, nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử, liên hệ với thực tiễn
III. Các kiểu VB trọng tâm	- Nêu yêu cầu	- Hiểu được nội dung các yêu cầu - Giải thích các yêu cầu trọn vẹn	- Chứng minh việc sử dụng trong thực tế	Bình luận, nhận xét, đánh giá, rút ra bài học lịch sử, liên hệ với thực tiễn

III. CHUẨN BỊ :

1. Gv: SGK, SGV, SBT, kế hoạch bài dạy; CNTT, tài liệu tham khảo; giao tiếp, vấn đáp, thuyết trình,

2. Hs: Đọc và thực hiện yêu cầu SGK; giao tiếp, thảo luận, giải thích, thắc mắc.

IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC: Nêu vấn đề, thảo luận nhóm...

V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

1. Ôn định (1')

2. KTBC (3')

3. Bài mới :

Hoạt động 1. Giới thiệu bài

Hoạt động 2. Kế hoạch bài giảng mới

HOẠT ĐỘNG THẦY VÀ TRÒ		NỘI DUNG	KN/NL cần đạt
Hoạt động 1: Hệ thống hóa kiến thức - GV: dựng bảng phụ - HS: Phát biểu theo từng nội dung. - GV: Nhận xét		I. Các kiểu văn bản đã học trong chương trình Ngữ Văn THCS	Kĩ năng thảo luận nhóm và trình bày
TT	Kiểu vb	Phương thức biểu đạt	Ví dụ về hình thức văn bản cụ thể
1	Văn bản tự sự	- Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân quả đến kết cục. - Mục đích biểu hiện con người quy luật đời sống, bày tỏ thái độ	- Bản tin - Bản tường thuật, tường trình. - Lịch sử.

			- Tác phẩm văn học nghệ thuật (truyện, tiểu thuyết)
2	Văn bản miêu tả	Tái hiện các tính chất thuộc tính sự vật, hiện tượng, giúp con người cảm nhận và hiểu được chúng	- Văn tả cảnh, tả người, tả sự vật. - Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự sự.
3	Văn bản biểu cảm	Bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc của con người, tự nhiên xã hội, sự vật	- Điện mừng; thăm hỏi, chia buồn - Tác phẩm văn học: Thơ trữ tình, tuỳ bút...
4	Văn bản thuyết minh	Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả có ích hoặc có hại của sự vật hiện tượng, để giúp người đọc có tri thức, khả quan và thái độ đúng đắn với chúng	- Thuyết minh sản phẩm. - Giới thiệu di tích, thắng cảnh, nhân vật... - Trình bày tri thức và phương pháp trong khoa học.
5	Văn bản nghị luận	Trình bày tư tưởng, chủ trương, quan điểm của con người đối với tự nhiên, xã hội, con người qua các luận điểm, luận cứ và lập luận thuyết phục	- Cáo, hịch, chiếu, biểu. - Xã luận, bình luận, lời kêu gọi - Sách lí luận: - Tranh luận về 1 vấn đề chính trị xã hội, văn hoá
6	Văn bản điều hành (hành chính công vụ)	Trình bày theo mẫu chung và chịu trách nhiệm về pháp lý các ý kiến, nguyện vọng của cá nhân, tập thể đối với cơ quan quản lý hay ngược lại bày tỏ yêu cầu, quyết định của người có thẩm quyền đối với người có trách nhiệm thực thi hoặc thoả thuận giữa công dân với nhau về lợi ích và chức vụ	- Đơn từ. - Báo cáo. - Đề nghị. - Biên bản. - Tường trình. - Thông báo. - Hợp đồng.

<p>So sánh các kiểu văn bản trên</p> <p>- Hs đọc bảng tổng kết trong sgk</p> <p>- GV nêu câu hỏi phân nhóm cho học sinh thảo luận:</p> <p><u>Nhóm 1</u>:? Hãy cho biết sự khác nhau của các kiểu VB trên</p> <p><u>Nhóm 2</u>:? Các kiểu VB đó có thể thay thế cho nhau được không?</p> <p><u>Nhóm 3</u>:? Các PTBD trên có thể được phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể hay không? Vì sao? Nêu một VD minh hoạ?</p> <p><u>Nhóm 4</u>:? Từ bảng trên hãy cho biết kiểu VB và HT thể hiện, thể loại TPVH có gì giống và khác?</p> <p>- HS: Các nhóm trình bày.</p> <p>- GV nhận xét</p> <p>VD : Truyện có thể có những PT như tự sự, MT, BC, TM, NL</p> <p>GV khái quát nội dung bài học ở tiết trước</p>	<p>Câu 1/170. So sánh các kiểu văn bản</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tự sự: Trình bày sự việc dẫn đến kết cục, biểu lộ ý nghĩa 2. Miêu tả: tái hiện các tính chất của sự việc, hiện tượng làm cho chúng hiển hiện 3. Biểu cảm Bày tỏ tình cảm, cảm xúc của con người.. 4. Nghị luận : Trình bày tư tưởng quan điểm 5. Điều hành : Theo mẫu chung và chịu trách nhiệm pháp lí <p>- Mỗi VB có một PTBD riêng cho nên không thể thay thế cho nhau được.</p> <p>- Mục đích của sự phối hợp các phương thức BD làm cho TP thêm sinh động, hấp dẫn. VD bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh</p> <p>- Không nên đồng nhất kiểu VB với thể loại VH</p> <p>Câu 5/171. Phân biệt các thể loại văn học và kiểu văn bản.</p>	<p>Kĩ năng thảo luận nhóm và trình bày</p> <p>NL hợp tác</p> <p>Kĩ năng thảo luận nhóm và trình bày</p>
--	--	---

<p>- GV chia nhóm cho HS trả lời câu hỏi 5, 6, 7 - HS thảo luận nhóm tìm hiểu nội dung đặc trưng của kiểu văn bản trong làm văn khác với thể loại văn học tương ứng (có ví dụ minh họa)</p> <p>- GV: Nét độc đáo về hình thức thể loại tự sự là gì ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày, nhận xét. - GV tổng kết <p>Câu 6/171. Kiểu văn bản biểu cảm và thể loại trữ tình</p> <p>- Giống: Chứa đựng cảm xúc → tình cảm chủ đạo.</p> <p>- Khác nhau:</p> <p>+ Văn bản biểu cảm: bày tỏ cảm xúc về một đối tượng (văn xuôi).</p> <p>+ Tác phẩm trữ tình: đời sống cảm xúc phong phú của chủ thể trước vấn đề đời sống → (thơ). Vai trò của các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn nghị luận.</p> <p>- Thuyết minh: giải thích cho một cơ sở nào đó của vấn đề bàn luận.</p> <p>- Tự sự: sự việc dẫn chứng cho vấn đề.</p> <p>- Miêu tả.</p> <p>Hoạt động 2: Phần TLV trong chương trình ?Phần văn và TLV có mối quan hệ với nhau ntn?</p> <p>?Phần văn cung cấp cho TLV những gì?</p> <p>?Phần TLV giúp gì cho phần Văn?</p> <p>?Nêu VD minh họa?</p> <p>?TV có quan hệ ntn với phần văn và tlv</p> <p>?Các PTBD : tự sự, nghị luận... có ý nghĩa ntn trong việc rèn kỹ năng làm văn</p> <p>2. Mối quan hệ giữa phần TV với Văn và TLV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần TV giúp cho văn trong việc đọc hiểu VB (khai thác từ ngữ, câu văn...) - Phần TV giúp cho TLV trong việc cung cấp vốn từ, luyện cách viết cách diễn đạt. - Phần văn cung cấp dữ liệu cho TV, còn phần TLV giúp cho TV các KT về kiểu VB, về cách lập luận. - Trình bày các kiểu văn bản trọng tâm. <p>Hoạt động 3 : Các kiểu VB trọng tâm ? ở lớp 9 các em đã được học các kiểu VB nào?</p> <p>- Gv tổ chức cho học sinh thảo luận về các khía cạnh:</p> <p>+ Đích biểu đạt của VB</p>	<p>a) Văn bản tự sự và thể loại văn học tự sự.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống: kể sự việc. - Khác: - Văn bản tự sự: xét hình thức phương thức - Thể loại tự sự: Đa dạng. <p>+ Truyện ngắn; Tiểu thuyết; Kịch Tính nghệ thuật trong tác phẩm tự sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cốt truyện, nhân vật, sự việc, kết cấu. <p>Câu 6/171. Kiểu văn bản biểu cảm và thể loại trữ tình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống: Chứa đựng cảm xúc → tình cảm chủ đạo. - Khác nhau: <p>II. Phần TLV trong chương trình ngữ văn THCS:</p> <p>1. Mối quan hệ giữa phần văn và phần TLV</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở đây là mối quan hệ hai chiều + Phần văn cung cấp : + Mô phỏng + Học phương pháp kết cấu + Học diễn đạt + Gợi ý sáng tạo + Phần TLV giúp cho phần văn + Cung cố KTVH qua TLV + Dùng kiến thức TLV để tiếp cận các TPVH <p>2. Mối quan hệ giữa phần TV với Văn và TLV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần TV giúp cho văn trong việc đọc hiểu VB (khai thác từ ngữ, câu văn...) <p>III. Các kiểu VB trọng tâm</p> <p>1) Văn bản thuyết minh</p> <p>2) Văn bản tự sự</p>	<p>NL hợp tác</p> <p>Kỹ năng thảo luận nhóm và trình bày</p> <p>NL hợp tác</p> <p>Kỹ năng thảo luận nhóm và trình bày</p> <p>Kỹ năng thảo luận nhóm và trình bày</p>
--	--	--

+ Những chuẩn bị khi làm VB + Phương pháp dùng + Ngôn ngữ + Dàn bài - GV tổng kết trên bảng phụ:		3) Văn bản nghị luận		
Kiểu văn bản Đặc điểm	Văn bản thuyết minh	Văn bản tự sự	Văn bản nghị luận	Kiểm tra thảo luận nhóm và điểm
Mục đích	Phơi bày nội dung sâu kín bên trong đặc trưng đối tượng	Trình bày sự việc	Bày tỏ quan điểm, nhận xét, đánh giá về vai trò.	điểm
Các yếu tố tạo thành	Đặc điểm khả quan của đối tượng	Sự việc, nhân vật	Luận điểm, luận cứ, luận chứng.	
(Khả năng kết hợp) đặc điểm cách làm.	Phương pháp Thuyết minh: giải thích.	Giới thiệu, trình bày diễn biến sự việc theo trình tự nhất định.	- Hệ thống lập luận. - Kết hợp miêu tả, tự sự.	

Hoạt động 3. Củng cố toàn bài.

Mục tiêu: Nắm được nội dung cơ bản đã tìm hiểu trong bài.

Cách thức tổ chức: Khắc sâu kiến thức

Sản phẩm: Trả lời được các câu hỏi liên quan.

Hoạt động 4. Hướng dẫn bài tập về nhà và liên hệ thực tế.

Mục tiêu: Hiểu được Các kiểu văn bản đã học; Mối quan hệ giữa các phân môn trong Ngữ văn;
Các kiểu văn bản chính

Cách thức tổ chức: Theo đơn vị lớp học.

Sản phẩm: Ghi chép đề về nhà thực hiện.

Dặn dò: (1') Ôn tập thi HK II.

*Rút kinh nghiệm